TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13a/2024/QĐST-HNGD	*Phú Lương, ngày 18 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 216/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1985;

HKTT: 130 L, phường Đ1, thành phố T, tỉnh T

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1987;

HKTT: Xóm C, xã Đ, huyện P, tỉnh T2.

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến Q.

2. Công nhân sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến Q nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến Q có 02 con chung là Nguyễn Tiến H2, sinh ngày 25/3/2014 và Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 21/11/2019. Chị Trần Thị Thu H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Tiến H2, sinh ngày 25/3/2014 và Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 21/11/2019 cho đến khi con chung của anh, chị đủ 18 tuổi (hoặc có sự thay

đổi khác). Anh Nguyễn Tiến Q phải cấp dưỡng cho con chung của anh chị 4.000.000đồng/02 con/01 tháng cho đến khi con chung của anh, chị đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tiến Q có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở;

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực, người được Thi hành án có thể yêu cầu thi hành án. Người phải thi hành án không thi hành được khoản tiền nói trên hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Thu H tự nguyện chịu 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004480 ngày 26/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm ./.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Động Đạt;
-Lưu VP, TK, TP, HNGD, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Giang